

Bản án số: 262/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 19/11/2025

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đoàn Thanh Thúy**

Bà **Đinh Thị Phương Lan**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham phiên tòa:
Không.

Ngày 19 tháng 11 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 151/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã S, tỉnh A.

Bị đơn: Anh **Quang Thanh T**, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã S, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Nguyễn Thị D** trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Vào đầu năm 2010 chị Nguyễn Thị D và anh Quang Thanh T tự tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/10/2010. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng về sau thì xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên tranh cãi và có xảy ra xô xát nhau. Chị D và anh T nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Đến tháng 4/2022 thì anh chị tiếp tục phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được. Do đó, chị D yêu cầu được ly hôn với anh Quang Thanh T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Quang Thanh T trong thời gian chung sống có hai người con chung tên Quang Thanh Th, sinh ngày 01/6/2011 và Quang Ngọc Tr, sinh ngày 02/6/2015, hiện đang sống cùng anh T. Chị D đồng ý giao hai người con chung cho anh T nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Quang Thanh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Quang Thanh T không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai ngày 29/10/2025 bị đơn anh Quang Thanh T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Quang Thanh T và chị Nguyễn Thị D tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 27/10/2010. Quá trình chung sống với chị D thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng về sau xảy ra mâu thuẫn so cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau do mâu thuẫn kinh tế. Anh T và chị D nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng với chị D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

- Về con chung: Anh Quang Thanh T và chị Nguyễn Thị D trong thời gian chung sống có hai người con chung tên Quang Thanh Th, sinh ngày 01/6/2011 và Quang Ngọc Tr, sinh ngày 02/6/2015, hiện đang sống cùng anh T. Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh Quang Thanh T và chị Nguyễn Thị D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Quang Thanh T và chị Nguyễn Thị D không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị D yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Quang Thanh T. Bị đơn cư trú tại ấp X, xã S, tỉnh A. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc “Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân”.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và bị đơn anh Quang Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và bị đơn anh Quang Thanh T tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định chị Nguyễn Thị D và anh Quang Thanh T tự tìm hiểu yêu thương nhau, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/10/2010. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Quang Thanh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quang Thanh T do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Đồng thời anh Quang Thanh T cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị D không có nguyện vọng muốn đoàn tụ. Từ những chứng cứ nêu trên có căn cứ để chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Nên việc chị D xin ly hôn

với anh T Hội đồng xét thấy có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị D và anh Quang Thanh T có hai người con chung tên Quang Thanh Th, sinh ngày 01/6/2011 và Quang Ngọc Tr, sinh ngày 02/6/2015, hiện đang sống cùng anh T. Chị D đồng ý giao hai người con chung cho anh T nuôi dưỡng và anh T cũng đồng ý nhận nuôi. Đồng thời, theo bản tự khai ngày 29/10/2025 của cháu Th và cháu Tr đều có nguyện vọng được sống cùng cha (anh T). Xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận giao cháu Th và cháu Tr cho anh T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Quang Thanh T không yêu cầu chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4] *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị D và anh Quang Thanh T xác định anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.5] *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị D và anh Quang Thanh T xác định anh chị không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

1/. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Quang Thanh T.

2/. Về con chung: Giao hai người con chung tên Quang Thanh Th, sinh ngày 01/6/2011 và Quang Ngọc Tr, sinh ngày 02/6/2015 cho anh Quang Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

4/. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Quang Thanh T không có.

5/. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Quang Thanh T không có.

6/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004061 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Theo đó chị D không phải nộp thêm.

7/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS khu vực 4 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thanh Sang

